TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NGẠN
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 85/2021/HNGĐ-ST
Ngày 14/12/2021
Về việc:"Không công nhận quan hệ vợ chồng, giải quyết nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phan Văn Thể

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Trần Văn Sáng

2. Ông Giáp Văn Phẩm

Thư ký phiên toà: Ông Vũ Hữu Thơ - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn tham gia phiên tòa: Ông Đào Duy Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 14/12/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 219/2021/TLST-HNGĐ ngày 11/10/2021 việc *"Không công nhận quan hệ vợ chồng, giải quyết nuôi con chung"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/11/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lành Văn C, sinh năm 1975 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn H, xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Chị Nông Thị L,sinh năm 1975 (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn H, xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/10/2021, bản tự khai, nguyên đơn anh Lành Văn C trình bày: Anh có kết hôn với chị Nông Thị L từ năm 1997, trước khi kết hôn hai bên có được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn không bị ai ép buộc nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi cưới anh và chị L về chung sống tại Thôn H, xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Thời gian đầu vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2011 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống mất niềm tin ở nhau dẫn đến thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng anh chị ly thân từ 2012 cho đến nay. Nay anh xác định không thể

chung sống với chị L được được nữa, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nông Thị L.

Về con chung: Anh và chị L có 02 con chung là Lành Quốc P, sinh năm 1999 và Lành Thị Ngọc O, sinh ngày 26/11/2007. Hiện nay cháu Phong đã trưởng thành nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết. Đối với cháu Lành Thị Ngọc O, sinh ngày 26/11/2007 đang sống cùng chị L ở quê ngoại anh nhất trí để chị L tiếp tục nuôi dưỡng cháu O. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 11/11/2021, bị đơn là Chị Nông Thị L trình bày:

Chị và anh C kết hôn tự nguyện vào năm 1997, trước khi kết hôn anh chị có được tìm hiểu và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương nhưng không đăng ký kết hôn tại UBND xã có thẩm quyền. Sau khi kết hôn, chị về nhà anh C làm dâu ngay, vợ chồng chung sống cùng bố mẹ tại Thôn H, xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2011 thì nảy sinh mâu thuẫn vợ chồng chỉ sống chung đến năm 2012 thì chị bỏ về nhà mẹ đẻ. Vợ chồng chị ly thân từ đó đến nay, trong thời gian ly thân vợ chồng ít liên lạc, hỏi thăm nhau, không ai quan tâm đến ai. Nay anh C xin ly hôn chị nhất trí vì anh chị không thể tiếp tục chung sống cùng nhau được nữa.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Lành Quốc P, sinh năm 1999 và Lành Thị Ngọc O, sinh ngày 26/11/2007. Hiện nay cháu Phong đã trưởng thành nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết. Đối với cháu Lành Thị Ngọc O, sinh ngày 26/11/2007, hiện đang ở với chị, chị có nguyện vọng tiếp tục nuôi dưỡng cháu O, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai đề ngày 19/11/2021 cháu Lành Thị Ngọc O trình bày: Cháu được biết bố mẹ đang làm thủ tục ly hôn tại Tòa án, nếu bố mẹ cháu không ở được với nhau nữa cháu có nguyện vọng được ở với mẹ là Nông Thị L.

Tại phiên tòa hôm nay, anh C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh và chị Nông Thị L. Về con chung: Anh và chị L có 02 con chung là Lành Quốc P, sinh năm 1999 và Lành Thị Ngọc O, sinh ngày 26/11/2007. Hiện nay cháu Phong đã trưởng thành nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết. Đối với cháu Lành Thị Ngọc O, sinh ngày 26/11/2007 đang sống cùng chị L ở quê ngoại, anh nhất trí để chị L tiếp tục nuôi dưỡng cháu O. Việc cấp dưỡng nuôi con chung anh không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung và nợ chung: Anh và chị L tự thoả thuận, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà chị L vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử công bố lời khai của chị L và cháu O có trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự. Thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật, thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nguyên tắc, trình tự tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định về quyền nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chấp hành đúng các quy định về quyền nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ vào các Điều 9; Điều 14; Điều 51; Điều 53; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận yêu cầu của anh Lành Văn C: Không công nhận anh Lành Văn C và chị Nông Thị L là vợ chồng.

Về con chung: Giao con chung là Lành Thị Ngọc O, sinh ngày 26/11/2007 cho chị Nông Thị L tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Về vấn đề cấp dưỡng không đặt ra xem xét giải quyết, vì các đương sự không yêu cầu. Sau khi ly hôn anh C được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh C thực hiện quyền này.

Về án phí: Anh Lành Văn C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0010401 ngày 11/10/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Lành Văn C khởi kiện yêu cầu Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng với chị Nông Thị L có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn H, xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn là chị Nông Thị L vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt chị L theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lành Văn C và chị Nông Thị L đều khai không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật mà chỉ tổ chức cưới hỏi theo phong

tục truyền thống địa phương. Hai bên đều xác định vợ chồng có mâu thuẫn trầm trọng, đã tìm cách hòa giải nhưng không có kết quả, tình cảm vợ chồng không còn, không đoàn tụ được , anh C đề nghị Toà án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh với chị Nông Thị L. Căn cứ quy định tại Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử cần không công nhận anh Lành Văn C và chị Nông Thị L là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Anh C và chị L có 02 con chung là Lành Quốc P, sinh năm 1999 và Lành Thị Ngọc O, sinh ngày 26/11/2007. Hội đồng xét xử thấy hiện cháu Phong đã trưởng thành, phát triển bình thường, đương sự không có yêu cầu, đề nghị gì, nên không đặt ra xem xét giải quyết; Còn cháu Lành Thị Ngọc O đang ở với chị L ổn định, phát triển bình thường. Nguyện vọng của cháu O cũng muốn ở với chị Nông Thị L , chị L cũng mong muốn được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu O và anh Lành Văn C cũng đồng ý. Do đó cần giao con chung là Lành Thị Ngọc O cho chị Nông Thị L tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp với quy định tại điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình và nguyện vọng của cháu O. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra xem xét giải quyết, vì các đương sự không yêu cầu.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh C và chị L tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Anh Lành Văn C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của Điều 147Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 9; Điều 14; Điều 51; Điều 53; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của anh Lành Văn C: Không công nhận anh Lành Văn C và chị Nông Thị L là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao con chung là Lành Thị Ngọc O, sinh ngày 26/11/2007 cho chị Nông Thị L tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Về vấn đề cấp dưỡng không đặt ra xem xét giải quyết, vì các đương sự không yêu cầu. Sau khi ly hôn anh C được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh C thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Anh Lành Văn C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai

thu số 0010401 ngày 11/10/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Ngạn;
- Chi cục THADS huyện Lục Ngạn.
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phan Văn Thể